TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 10/2022/DS - PT
Ngày 18 - 4- 2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú; Ông Hoàng Hữu Tăng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ngân - Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Y xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLPT-DS, ngày 04/10/2021 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án sơ thẩm số 05/2021/DSST, ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐ-PT ngày 04/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ N, sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn Ă, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Vũ Kim H, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn Ă, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

4. Người kháng cáo: Anh Vũ Kim H - Bị đơn.

5. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Vũ N trình bày:

Đầu năm 2019, anh Vũ Kim H có hỏi vay vợ chồng anh số tiền 250.000.000đ. Anh H nói để chi phí cho việc học tiếng Nhật. Bản thân vợ chồng anh không có tiền nhưng vì anh H là bạn học của anh G (anh trai anh) nên gia đình anh và anh H rất thiết coi nhau như người trong nhà, vì muốn giúp anh H nên

vợ chồng anh nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị U đứng ra vay hộ ngân hàng số tiền 200.000.000đ và vay thêm người làng 50.000.000đ để cho anh H vay. Anh H có viết giấy nhận nợ vào ngày 15/4/2019, thời hạn vay là 01 năm. Đến tháng 12/2019, vợ chồng anh lại cho anh H vay tiếp số tiền 250.000.000đ nữa để anh H đặt cọc tiền đi xuất khẩu lao động tại Nhật. Do không có tiền vợ chồng anh lại nhờ bà Nguyễn Thị P đứng ra vay hộ ngân hàng số tiền 200.000.000đ và nhờ bà U vay thêm 50.000.000đ nữa để cho anh H vay. Anh có yêu cầu anh H viết giấy nhận nợ số tiền vay 02 lần gộp lại tổng là 500.000.000đ, anh N xác định thời hạn vay theo Giấy vay tiền ngày 15/4/2019. Hai lần đưa tiền cho anh H vay đều ở tại nhà anh, chỉ có vợ chồng anh và anh H không có ai chứng kiến. Anh khẳng định hoàn toàn không có việc anh H nợ tiền lô đề của anh Gsau đó viết giấy nhận nợ với vợ chồng anh. Đến thời hạn trả nợ, vợ chồng anh yêu cầu anh H trả tiền nhưng anh H không trả và cho đến nay anh H vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng anh bất kỳ khoản tiền nào. Do vậy anh làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu anh H phải trả cho vợ chồng anh số tiền 500.000.000đ và tiền lãi theo quy định. Đối với số tiền vợ chồng anh nhờ bà U và bà P vay hộ, vợ chồng anh và các bà sẽ giải quyết riêng với nhau, anh không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Vũ Kim H trình bày:

Tháng 10/2018, sau khi anh đi Vũng Tàu về thì anh G gọi điện nói với anh về việc anh G mở quán bia. Thi thoảng rảnh anh có đến quán bia của anh G chơi thì thấy anh G có ghi lô đề thì anh có chơi và chịu tiền lô đề của anh G. Lúc đầu anh chơi với số tiền nhỏ, sau đó càng ngày anh càng chơi lớn cụ thể anh chơi mỗi lần khoảng 600 điểm tương ứng với số tiền 10 đến 15 triệu đồng. Do bị thua nhiều nên từ cuối năm 2018 đến tháng 6/2019 tổng số tiền lô đề anh ghi chịu của Đảng là 250.000.000đ. Lúc này anh G bảo anh viết giấy nhận nợ với vợ chồng anh N tại quán của anh G. Trong giấy thể hiện thời hạn trả nợ là 01 năm không có thỏa thuận về lãi suất. Vì anh và chỗ vợ chồng anh N cũng thân quen nên anh cho rằng nợ anh G cũng như nợ anh N nên anh viết theo ý của anh G. Thực tế không có việc vợ chồng anh N giao tiền cho anh vay, đó là việc anh nhận nợ số tiền chơi lô đề còn nợ anh G.

Anh bắt đầu làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật từ tháng 4/2020, sau khi làm thủ tục xong thì anh đi học tiếng, toàn bộ chi phí mà anh phải đóng cho công ty để được sang Nhật khoảng 180.000.000đ. Anh đã nộp cho Công ty 130.000.000đ, số tiền còn lại khi nào bay mới phải nộp nốt. Nguồn tiền để chi phí cho việc đi xuất khẩu lao động sang Nhật là do bố mẹ anh lo. Nay anh xác định, anh chỉ nhận nợ với vợ chồng N số tiền 250.000.000đ theo giấy vay nợ ngày 15/4/2019, anh sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền này. Còn đối với Giấy vay

tiền tháng 12/2019 với số tiền 500.000.000đ anh không viết và không ký nên anh không chấp số tiền 250.000.000đ trong giấy nhận nợ này.

Những người làm chứng trình bày:

- Anh Vũ Văn G: Anh có nghe vợ chồng anh N nói chuyện với anh về việc cho anh H vay số tiền 500.000.000 đồng để anh H làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Việc vay mượn diễn ra như thế nào anh không trực tiếp tham gia hay chứng kiến. Không có việc anh H ghi lô đề của anh thua số tiền lớn đến như vậy, anh không chấp nhận ý kiến trình bày của anh H vì điều đó không đúng sự thật.

- Bà Nguyễn Thị P: Vào khoảng tháng 10/2019, vợ chồng anh N có hỏi vay bà số tiền 200.000.000 đồng. Do không có tiền nên bà đã đứng ra vay tại Ngân hàng Agribank chi nhánh T. Sau khi vay được tiền bà đã gọi vợ chồng anh N đến nhà để lấy. Vì là chỗ thân quen nên hai bên không lập giấy tờ, bà chỉ đưa hồ sơ vay tiền cho vợ chồng anh N để trả tiền gốc, tiền lãi theo nội dung ký kết. Việc vợ chồng anh N vay tiền dùng vào mục đích gì bà không biết. Chuyện tiền bạc là chuyện riêng giữa bà với vợ chồng anh N nên hai bên sẽ tự giải quyết riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Vũ Thị U: Bà được anh N nói chuyện về việc anh H hỏi vay tiền để đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, số tiền cần vay là 250.000.000 đồng. Do không có tiền nên bà và chồng là ông Vũ Xuân S đã đứng ra vay tiền tại Ngân hàng 200.000.000đ và vay thêm người khác 50.000.000đ đưa cho vợ chồng anh N để đưa cho anh H. Vào cuối năm 2019, anh N bảo bà vay tiếp hộ 50.000.000 đồng. Tổng số tiền 300.000.000 đồng bà đưa trực tiếp cho vợ chồng anh N, chỉ có 03 mẹ con không có ai khác chứng kiến. Sau này bà cũng được nghe vợ chồng anh N nói là nhờ bà P vay hộ số tiền 200.000.000 đồng để cho anh H vay. Việc anh H vay tiền của vợ chồng anh N thì bản thân H cũng xuống gia đình bà xin khất nợ. Việc vay tiền hộ vợ chồng anh N, vợ chồng bà và vợ chồng anh N sẽ tự giải quyết riêng với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Vũ Văn O: Ông là bố đẻ của anh H. Tháng 3/2020, anh H bắt đầu làm thủ tục để đi xuất khẩu lao động sang Nhật, sau khi làm đơn và thi đơn hàng đỗ thì anh H đi học tiếng Nhật. Toàn bộ chi phí giấy tờ, chí phí học tiếng, ăn ở trung tâm hết khoảng 200.000.000đ. Tuy nhiên gia đình mới nộp 130.00.000đ cho Công ty, số tiền còn lại khi bay mới nộp nốt. Toàn bộ chi phí cho anh H đi Nhật, gia đình ông vay của Quỹ tín tín dụng nhân dân xã Đ. Gần đây anh G nói với ông về việc anh H nợ tiền, mẹ anh G vay ngân hàng hộ anh H thì ông có nói: "tiền cờ bạc lô đề của chúng mày tao không biết". Chị Q có gọi điện cho ông bảo việc anh H vay tiền, ông cũng nói rõ là việc lô đề cơ bạc ông không liên quan. Trước đây

nhiều lần ông đọc tin nhắn của H gửi cho G về việc H bảo G ghi số đề H đánh bao nhiêu điểm nên ông mới biết và ông nhiều lần gọi điện cho G nói về việc không cho H đánh lô đề thì G có bảo với ông là: " con biết rồi, con không ghi nữa" Sau đó ông cứ nghĩ là H không chơi nữa. Ông khẳng định toàn bộ chi phí đi Nhật của anh H là do gia đình đi vay để lo liệu, không có việc anh N hay anh G cho vay tiền để chi phí. Còn việc anh H vay nợ tiền anh N như thế nào ông không nắm được nhưng ông nghĩ đó là tiền anh H nợ lô đề của anh G.

Tại bản án số 05/2021/DSST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ N, buộc anh Vũ Kim H phải có trách nhiệm trả cho anh Vũ N số tiền gốc 500.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 65.403.000đ, tổng là 565.403.000đ (Năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng).

Anh H còn phải trả cho anh N tiền chi phí giám định là 2.430.000đ

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17/8/2021, anh H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung anh không đồng ý trả tiền gốc, tiền lãi, tiền chi phí giám định và án phí theo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm, nội dung: Giấy vay số tiền 500 triệu đồng không ghi thời hạn trả nợ, lãi suất, ngày vay, cũng không thể hiện cộng gộp số tiền đã vay 250 triệu đồng ngày 15/4/2019, trong khi anh H không thừa nhận vay thêm số tiền 250 triệu đồng. Nên không có căn cứ xác định thời hạn của khoản vay số tiền này. Vì vậy đây là khoản vay không kỳ hạn, không có lãi, hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện anh N đã báo trước cho anh H một thời gian hợp lý để trả nợ tiền vay. Do đó bản án sơ thẩm buộc anh H phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền của khoản vay 500 triệu đồng từ ngày 16/4/2020 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, đề nghị xét xử phúc thẩm phần tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền và tiền án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu.

Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tiến hành hòa giải. Tại phiên hòa giải ngày 15/4/2022, hai bên đương sự đã đi đến thống nhất việc giải quyết tranh chấp như sau:

Anh Vũ Kim H nhất trí trả anh Vũ N 500.000.000đ tiền gốc và không phải trả lãi. Phương án thanh toán như sau:

- Lần 1: Ngay sau khi có quyết định của TAND tỉnh Hưng Yên thì anh H

trả anh N 250.000.000đ.

- Lần 2: Ngày 30/12/2022, anh H trả anh N 100.000.000đ.

- Lần 3: Ngày 30/6/2023, anh H trả anh N 150.000.000đ.

Đối với số tiền chi phí giám định là 2.430.000đ. Anh N không yêu cầu anh H phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị sửa án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh H, quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 của VKSND huyện T được làm trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; anh H đã nộp tiền tạm ứng án phí P thẩm nên kháng cáo của anh H và kháng nghị của VKSND huyện T là hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Việc anh H nợ anh N 500.000.000đ tiền gốc là hoàn toàn có thật và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Để giải quyết tranh chấp, ngày 15/4/2022, giữa anh H và anh N đã thỏa thuận cụ thể như sau:

Anh Vũ Kim H nhất trí trả anh Vũ N 500.000.000đ tiền gốc và không phải trả lãi. Phương án thanh toán như sau:

- Lần 1: Ngay sau khi có quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thì anh H trả anh N 250.000.000đ;

- Lần 2: Ngày 30/12/2022, anh H trả anh N 100.000.000đ;

- Lần 3: Ngày 30/6/2023, anh H trả anh N 150.000.000đ.

Anh N không yêu cầu anh H phải trả số tiền chi phí giám định là 2.430.000đ.

Xét thấy, thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, giải quyết triệt để tranh chấp trong vụ án, không trái quy định của pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ. Tuy nhiên, do các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 24.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 300; Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147,148,161 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, công nhận công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Anh Vũ Kim H nhất trí trả anh Vũ N 500.000.000đ tiền gốc và không phải trả lãi. Phương án thanh toán như sau:

- Lần 1: Ngay sau khi có quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thì anh H trả anh N 250.000.000đ.

- Lần 2: Ngày 30/12/2022, anh H trả anh N 100.000.000đ.

- Lần 3: Ngày 30/6/2023, anh H trả anh N 150.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu 24.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Vũ N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Vũ N số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ đã nộp theo biên lai số 0000734 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

2.2. Án phí phúc thẩm: Anh Vũ Kim H phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000857 ngày 17/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, anh H đã nộp đủ.

2.3. Chi phí tố tụng khác: anh N tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí giám định là 2.430.000đ mà không yêu cầu anh H phải trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND; Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Thực